

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIAG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/02/2025

V/v: “Xin ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIAG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Minh Nhựt** và ông **Nguyễn Duy Khương**

- Thư ký phiên Tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên GiAg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên GiAg tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thê Nam** – Kiểm Sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên GiAg xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2024/TLST- HNGĐ ngày 15/10/2024, về việc “*TrAh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Châu Mỹ D**, sinh năm 1966. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp PL, xã MT B, huyện CT, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Ấp PL, xã MT B, huyện CT, tỉnh KG.

(Ông T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI D VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Châu Mỹ D trình bày:* Bà và ông Võ Văn T có tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ba nhân dân xã MT B, huyện CT, tỉnh KG. Tuy nhiên hiện nay giấy đăng ký

kết hôn đã thất lạc nhưng có chính quyền địa phương xác nhận. Thời gian đầu bà và ông Võ Văn T chung sống rất hạnh phúc và Ah chị có 03 người con chung tên là: Võ Thái H, sinh ngày 21/8/1990. Võ Thái A, sinh ngày 18/3/1997 và Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 03/4/2007. Mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ, chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa bà Châu Mỹ D có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Bà Châu Mỹ D xin được ly hôn với ông Võ Văn T.

- Về con chung: Hiện nay 02 cháu Võ Thái H, sinh ngày 21/8/1990 và Võ Thái A, sinh ngày 18/3/1997 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 03/4/2007. Bà không yêu cầu ông Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Võ Văn T:* Trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án. Nhưng qua thời gian luật định ông Võ Văn T vẫn không có văn bản tự khai và cũng không có ý kiến gì gửi đến Tòa án. Sau đó, Tòa án tiếp tục tổng đạt cũng như niêm yết nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật nhưng ông Võ Văn T vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu qua điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn

chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Châu Mỹ D. Cho bà Châu Mỹ D được ly hôn với ông Võ Văn T.

- Về con chung: Giao 01 người con Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 03/4/2007 cho bà Châu Mỹ D chăm sóc nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Châu Mỹ D thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn Châu Mỹ D yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Võ Văn T và yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 01 người con tên Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 03/4/2007. Nên qua hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Võ Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Châu Mỹ D yêu cầu xét xử vắng mặt ông Võ Văn T. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Võ Văn T theo quy định pháp luật.

[4] - Về nội D: Bà Châu Mỹ D và ông Võ Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã MT B, huyện CT, tỉnh KG cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được

pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Châu Mỹ D yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn T: HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bà Châu Mỹ D xác nhận, sau khi kết hôn thì giữa bà và ông Võ Văn T chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2007 thì giữa bà và ông Võ Văn T hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2007 cho đến nay. Đối với ông Võ Văn T mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên ông bà có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng ông Võ Văn T vẫn vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để ông Võ Văn T có mặt tham gia phiên tòa nhưng ông Võ Văn T vẫn vắng mặt. Tại phiên toà, bà Châu Mỹ D vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông Võ Văn T và trên thực tế ông bà đã ly thân với nhau từ năm 2007 cho đến nay. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà Châu Mỹ D và ông Võ Văn T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, xét thấy việc bà Châu Mỹ D xin được ly hôn đối với ông Võ Văn T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Châu Mỹ D đối với ông Võ Văn T .

[5] Về con chung: Bà Châu Mỹ D xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 03 người con Võ Thái H, sinh ngày 21/8/1990. Võ Thái A, sinh ngày 18/3/1997 và Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 03/4/2007. Hiện nay 02 người con tên Võ Thái H, sinh ngày 21/8/1990. Võ Thái A, sinh ngày 18/3/1997 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Nay bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 03/4/2007 và không yêu cầu ông Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con. HĐXX nhận thấy kể từ sau khi ông bà sống ly thân cho đến nay bà Châu Mỹ D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 03/4/2007, bà vẫn chăm sóc tốt cho cháu nên HĐXX giao cháu Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 03/4/2007 cho bà Châu Mỹ D tiếp tục chăm sóc

nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu Võ Ngọc Như Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] - Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Võ Văn T đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Võ Văn T vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải, đối chất để xác định về tài sản chung cũng như nợ chung giữa ông bà được. Mặt khác, tại phiên tòa bà Châu Mỹ D khẳng định ông bà không về tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung và nợ chung HĐXX không xem xét nếu sau này ông bà hoặc cơ quan tổ chức, cá nhân nào khác có yêu cầu thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bà Châu Mỹ D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng bà được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005783 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 53; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Châu Mỹ D đối với bị đơn ông Võ Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Châu Mỹ D được ly hôn với bị đơn ông Võ Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao 01 cháu Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 03/4/2007 cho bà Châu Mỹ D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Châu Mỹ D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Võ Văn T có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai có quyền được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Châu Mỹ D xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Châu Mỹ D xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Châu Mỹ D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền án phí nhưng bà được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005783 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAD tỉnh Kiên GiAg;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Mong Thọ B, Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Đầu